

THE SITUATION OF ECONOMIC DEVELOPMENT IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS BORDER AREA OF VIETNAM

Vu Van Anh^a; Duong Quynh Phuong^b
Dinh Duc Hoi^c; Phi Hung Cuong^d

^{a,b,c} Institute for Socio-Economic Research I the Mountainous Areas, Thai Nguyen University of Education, Thai Nguyen University
Email: ^a anhvv@tnue.edu.vn; ^b phuongdq@tnue.edu.vn; ^c hoidd@tnue.edu.vn

^d Vietnam Academy for Ethnic Minorities
Email: cuongph@hvd.edu.vn

Received: 03/3/2022; Reviewed: 09/3/2022; Revised: 12/3/2022; Accepted: 14/3/2022; Released: 31/3/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/651>

Economic development in the Northern mountainous border ethnic minority area is one of the issues that the Party and State always pay attention and focus on. This is not only to take care of and improve the lives of the people better, but also to build a fair, democratic, civilized and happy society; ensure the security and defense of our country. In order to realize this great goal, in the past years, in addition to common development policies, the Party and State have made many major decisions and guidelines on socio-economic development, security assurance - national defense in mountainous areas and ethnic minorities. As a result, the development of the Northern mountainous border ethnic minority area has obtained important achievements in all aspects, gradually stabilizing and improving people's lives, significantly contributing to the national development, the success of hunger eradication and poverty reduction. Therefore, it is necessary to study the economic situation of the border area and propose some solutions to enhance sustainable economic development in this area to be essential.

Keywords: *Border economy; Northern mountainous region; Ethnic Minority Area; Ethnic minorities.*

1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế vùng biên giới là một trong những nội dung nghiên cứu được quan tâm hiện nay, tuy nhiên chưa được đậm nét. Mặc dù đã đạt được một số thành tựu trong nghiên cứu về phát triển kinh tế biên giới vùng dân tộc thiểu số (DTTS) song so với yêu cầu phát triển kinh tế nói chung, công tác nghiên cứu còn nhiều hạn chế: Nội dung nghiên cứu chủ yếu tập trung ở một số khía cạnh về kinh tế cửa khẩu; kết quả nghiên cứu khoa học chưa được triển khai ứng dụng vào thực tiễn do kinh phí hạn hẹp. Các nghiên cứu về DTTS chủ yếu tập trung vào các nội dung như nghiên cứu đặc điểm kinh tế xã hội vùng DTTS, nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế vùng DTTS, ít có nghiên cứu chuyên biệt về thực trạng phát triển kinh tế vùng biên giới đối với cộng đồng các DTTS và miền núi. Trong bài viết này, nhóm tác giả trình bày giải pháp cho vấn đề trên bằng việc phân tích kết quả và hạn chế của tăng trưởng kinh tế khu vực miền núi phía Bắc hiện nay, đề xuất một số giải pháp đối với vấn đề này.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các tổ chức phi Chính phủ qua hợp tác với phía Việt Nam thực hiện một số dự án trọng điểm về đói nghèo, môi trường - sinh thái, quan hệ tộc người, khu vực biên giới vùng cao... ở miền núi cũng có những

nghiên cứu đáng quan tâm. Tiêu biểu cho số này là các báo cáo tư vấn của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, các tổ chức phi Chính phủ.

Có nhiều công trình nghiên cứu về nền kinh tế cửa khẩu của vùng biên giới Việt - Trung, một trong những hoạt động kinh tế quan trọng ở khu vực này, trong đó có một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như: Phạm Văn Linh (2001), "Các khu kinh tế cửa khẩu biên giới Việt - Trung và tác động của nó tới sự phát triển kinh tế hàng hoá ở Việt Nam", Nxb. Chính trị quốc gia TP Hồ Chí Minh, tác giả đã làm rõ vị trí, vai trò và tiềm năng kinh tế của các cửa khẩu biên giới Việt - Trung, phân tích sự tác động qua lại giữa các nhân tố ảnh hưởng tới quan hệ thương mại ở các cửa khẩu đối với việc phát triển kinh tế hàng hoá, tìm ra giải pháp thích hợp nhằm mở rộng thị trường, tăng cường trao đổi hàng hoá qua các cửa khẩu, tạo đà cho việc đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở khu vực này.

Lương Đăng Ninh (2000), "Đổi mới tổ chức quản lý các hoạt động xuất nhập khẩu và mua bán, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới của các tỉnh biên giới phía Bắc từ thực tiễn Lạng Sơn"; Nguyễn Minh Hiếu (2008), "Một số vấn đề kinh tế cửa khẩu Việt Nam trong quá trình hội nhập"; Trịnh Quang Cảnh (2012), "Đánh giá tác động của một số chính

sách phát triển kinh tế-xã hội đến môi trường vùng DTTS và miền núi thời gian qua, đề xuất giải pháp hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường vùng DTTS và miền núi”; Phan Văn Hùng (2015), “Một số vấn đề mới trong quan hệ dân tộc ở nước ta hiện nay”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Các công trình nghiên cứu này đã chỉ ra rằng vùng cao, vùng biên giới là khu vực ít được thụ hưởng thành quả từ thực hiện đường lối đổi mới của Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu này chưa đề cập nhiều tới thực trạng kinh tế và an ninh chủ quyền ở một địa phương cụ thể. Đặc biệt, chưa đi sâu nghiên cứu về những lợi thế, thách thức, khó khăn trong phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng của vùng biên giới. Đồng thời chưa đề cập nhiều đến những giải pháp và mô hình phát triển kinh tế cho vùng biên giới, nhất là vùng DTTS và miền núi. Hoạt động giao lưu kinh tế qua cửa khẩu cũng là một yếu tố cấu thành của các hoạt động kinh tế đối ngoại. Việc phát triển giao lưu đó mang lại lợi ích kinh tế đáng kể thông qua đẩy mạnh các hoạt động thương mại qua biên giới, đồng thời cũng để thực hiện chủ trương cải cách kinh tế của Đảng là khẳng định nguyên tắc độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi trong phát triển kinh tế đối ngoại; đa phương hóa, đa dạng hóa các hoạt động kinh tế đối ngoại; khai thác có hiệu quả lợi thế trong phân công lao động quốc tế.

Vấn đề chính sách phát triển kinh tế, giải pháp phát triển kinh tế biên giới vùng DTTS và miền núi Việt Nam là vấn đề rộng, được trình bày trong nhiều công trình, đề tài nghiên cứu. Trong đó, phát triển kinh tế vùng biên giới cũng là một trong những nội dung nghiên cứu, tuy nhiên chưa được đậm nét. Mặc dù đã đạt được một số thành tựu trong nghiên cứu khoa học về phát triển kinh tế biên giới vùng DTTS song so với yêu cầu phát triển kinh tế nói chung, công tác nghiên cứu còn nhiều hạn chế: Việc xác định hệ thống đề tài còn thiếu tính hệ thống về một số lĩnh vực kinh tế vùng biên giới phía Bắc. Những công trình nghiên cứu còn chưa thực sự đi sâu vào nghiên cứu tác động của kinh tế vùng biên giới với các kênh tác động cụ thể đến cộng đồng các DTTS khu vực miền núi phía Bắc... Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật nghiên cứu còn chưa tập trung nhiều vào định lượng... Các công trình nghiên cứu đều do các đơn vị nghiên cứu đề xuất, ít công trình nghiên cứu do thực tiễn đề xuất. Nội dung nghiên cứu chủ yếu tập trung ở một số khía cạnh về kinh tế cửa khẩu; kết quả nghiên cứu khoa học chưa được triển khai ứng dụng vào thực tiễn do kinh phí hạn hẹp. Những công trình nghiên cứu về DTTS chủ yếu tập trung vào các nội dung như nghiên cứu đặc điểm kinh tế-xã hội vùng DTTS, nghiên cứu chính sách phát triển kinh tế vùng DTTS, ít có nghiên cứu chuyên biệt về tác động của phát triển kinh tế vùng biên giới đối với cộng đồng các DTTS.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu, đề tài, bài viết về phát triển kinh tế biên giới vùng DTTS còn thiếu tính hệ thống. Những công trình nghiên cứu thường chỉ hướng vào một vài nội dung cụ thể như kinh tế cửa khẩu, vấn đề nghèo, thương mại biên giới... của lĩnh vực này. Hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào đưa ra hệ cơ sở lý luận toàn diện, đầy đủ về thực trạng phát triển kinh tế vùng biên giới, đưa ra hệ thống giải pháp đầy đủ mà còn nằm rải rác ở những công trình nghiên cứu riêng lẻ.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản như phương pháp thu thập tài liệu sơ cấp, thứ cấp; phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu; phương pháp thống kê để từ đó có phân tích và dự báo kết quả nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng phát triển kinh tế khu vực miền núi phía Bắc

4.1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong những năm qua, vùng biên giới miền núi phía Bắc đã đạt được những thành tựu quan trọng về tăng trưởng kinh tế. Bảng 1 cho thấy, tốc độ tăng GRDP bình quân toàn vùng giai đoạn 2017-2019 luôn được duy trì ở mức tăng trưởng khá cao (7,95%/năm), cao hơn mức tăng trưởng trung bình chung của cả nước (6,97%). Tăng trưởng kinh tế năm 2020 ước đạt 3,82% mặc dù đạt thấp so với mục tiêu và thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng của năm 2019 chủ yếu do khách quan đưa lại (thiên tai, dịch bệnh), nhưng vẫn cao hơn trung bình chung của cả nước 2,91%.

Nhìn chung, hầu hết các địa phương nội vùng đều duy trì được mức tăng trưởng cao cho cả giai đoạn 2017-2019. Tỉnh Lào Cai là địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất vùng, là tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao thứ hai trong 14 tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, bình quân trên 10%/năm, tiếp đến là Sơn La với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 9%/năm. Dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi bệnh dịch Covid-19 nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Lào Cai vẫn đạt 6,31%, đứng thứ hai các tỉnh khu vực Trung du và miền núi phía Bắc (sau tỉnh Bắc Giang). Trong khi đó, tỉnh Hà Giang là địa phương có tốc độ tăng trưởng thấp nhất trong vùng, vào khoảng 7,04%/năm. Mặc dù, vùng biên giới miền núi phía Bắc duy trì được mức tăng trưởng cao, song quy mô nền kinh tế vùng còn tương đối nhỏ và chiếm tỷ trọng khá thấp trong nền kinh tế Việt Nam. Điều này hàm ý, xuất phát điểm của kinh tế vùng còn khá thấp.

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế các địa phương vùng biên giới miền núi phía Bắc

Đơn vị: %

Địa phương	2017	2018	2019	2020
Lào Cai	10,15	10,23	10,32	6,31
Lạng Sơn	6,81	8,36	7,63	2,09
Cao Bằng	7,02	7,15	7,23	4,76
Hà Giang	7,36	6,76	7,02	1,69
Điện Biên	7,7	7,15	7,6	1,82
Sơn La	9,59	8,59	9,03	6,23
Miền núi phía Bắc	8,10	8,04	8,13	3,82
Cả nước	6,81	7,08	7,02	2,91

Nguồn. Niên giám thống kê các tỉnh biên giới miền núi phía Bắc, Báo cáo kinh tế-xã hội các tỉnh

4.1.2. Thu nhập bình quân đầu người

Thu nhập bình quân đầu người của các tỉnh vùng biên giới miền núi phía Bắc có sự gia tăng mạnh mẽ, từ mức 29,86 triệu đồng vào năm 2016 lên 40,78 triệu đồng vào năm 2019, và ước đạt 43,86 triệu đồng vào năm 2020; tốc độ tăng trưởng trong giai đoạn 2016-2020 đạt trên 9%/năm.

Bảng 2. GRDP bình quân đầu người các tỉnh biên giới miền núi phía Bắc

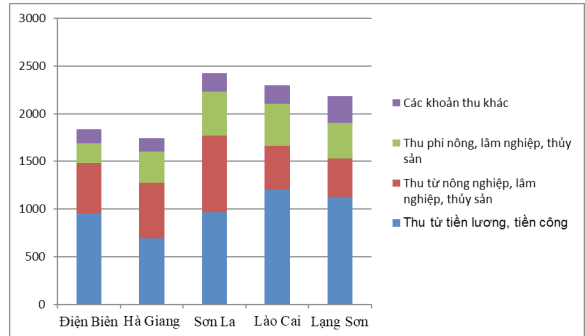
Đơn vị: triệu đồng

Địa phương	2016	2017	2018	2019	2020
Lào Cai	46,8	52,2	61,84	70,5	76,3
Lạng Sơn	31,22	32,81	38,40	42,7	43,4
Cao Bằng	20,97	23,5	26,7	30,01	36,5
Hà Giang	20,76	22,35	20,70	28,1	29,42
Điện Biên	26,04	28,29	27,31	32,35	33,47
Sơn La	33,41	37,23	38,00	40,37	44,1
Vùng biên giới miền núi phía Bắc	29,86	32,73	35,49	40,78	43,86
Cả nước	48,28	53,09	58,10	62,57	63,5

Nguồn. Niên giám thống kê các tỉnh biên giới miền núi phía Bắc

Tuy nhiên, GRDP bình quân đầu người toàn vùng vẫn còn thấp hơn so với mức bình quân chung của cả nước, mặc dù mức độ chênh lệch đã được rút ngắn đáng kể. Nhìn chung, có sự chênh lệch lớn về GRDP bình quân đầu người giữa các địa phương nội vùng. Lào Cai, Sơn La và Lạng Sơn là những địa phương có GRDP bình quân đầu người cao trong vùng, trong đó Lào Cai là tỉnh có GRDP

bình quân đầu người cao nhất vùng và cao hơn bình quân cả nước. Năm 2019, GRDP bình quân đầu người của Lào Cai đạt 70,5 triệu đồng; GRDP bình quân đầu người của Lạng Sơn đạt mức 43,4 triệu đồng; GRDP bình quân đầu người của Sơn La đạt 40,37 triệu đồng. Hà Giang và Cao Bằng là hai địa phương có GRDP bình quân đầu người thấp nhất vùng và thấp hơn nhiều so với mức bình quân chung của cả nước.



Hình 1. Cơ cấu thu nhập bình quân đầu người một tháng năm 2020 tại các tỉnh biên giới miền núi phía Bắc

Nguồn. Tổng cục Thống kê, Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2020

Trong tổng thu nhập năm 2020, tỷ trọng thu từ tiền lương, tiền công chiếm 47,7%, thu từ hoạt động tự làm nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 26,5%, thu từ hoạt động tự làm phi nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 16%, thu khác chiếm 9,5%. Cơ cấu thu nhập qua các năm đã có sự chuyển biến theo hướng tiến bộ hơn, trong đó tỷ trọng thu từ tiền lương, tiền công ngày càng tăng, ngược lại tỷ trọng thu từ hoạt động tự làm nông, lâm nghiệp, thủy sản ngày càng giảm, kết quả này phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu trong việc làm.

4.1.3. Cơ cấu kinh tế

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 19,3%, cao hơn trung bình chung cả nước 14,85%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 26,81%; khu vực dịch vụ chiếm 44,7%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,46%. Cơ cấu kinh tế của vùng thời gian qua có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông lâm nghiệp (Bảng 3).

4.2. Đánh giá chung về thực phát triển kinh tế vùng biên giới miền núi phía Bắc

4.2.1. Một số kết quả đạt được

Trong những năm qua, chính quyền các tỉnh biên giới miền núi phía Bắc đã thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn biên giới, chú trọng mô hình trồng trọt, chăn nuôi,

Bảng 3. Cơ cấu kinh tế các tỉnh biên giới miền núi phía Bắc năm 2020 (Đơn vị: %)

Lĩnh vực	Cả nước	KV BGMN phía Bắc	Điện Biên	Lạng Sơn	Lào Cai	Hà Giang	Sơn La	Cao Bằng
Nông nghiệp	14,85	19,3	18,76	23,19	14,36	31,49	26,09	21,93
Công nghiệp	33,72	26,81	19,10	22,47	41,51	22,58	36,27	18,93
Dịch vụ	41,63	44,7	57,64	49,59	34,07	40,12	31,48	55,32
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	9,8	5,46	4,5	4,75	10,06	5,81	6,16	3,82

Nguồn. Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội năm 2020 các tỉnh biên giới miền núi phía Bắc

trồng rừng... phù hợp với tiềm năng, điều kiện thực tế của từng địa phương; đồng thời quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với đồng bào DTTS vùng biên giới nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần tham gia bảo vệ biên giới, xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh.

Để từng bước nâng cao đời sống nhân dân và tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn biên giới, các tỉnh biên giới đã chú trọng phát triển ngành kinh tế có lợi thế ở địa phương; chỉ đạo thực hiện các chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng, Chương trình 135 và một số chương trình, chính sách đối với đồng bào DTTS, Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Thông qua việc tích cực, chủ động trong công tác hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao cho người dân cũng như phát triển các mô hình sản xuất hiệu quả và hướng dẫn kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp đã đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn, dần chuyển biến nhận thức, khắc phục tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, từng bước hình thành ý thức tự vươn lên thoát nghèo, ổn định đời sống nhân dân khu vực biên giới.

Với những sự chỉ đạo trên, tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2019 duy trì ở mức cao trước đại dịch Covid-19, trên 8%/năm, cao hơn mức tăng trưởng chung của cả nước. Tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người trong 5 năm gần đây đạt trên 9%/năm.

Các ngành kinh tế đảm bảo duy trì và tiếp tục phát triển. Sản xuất nông nghiệp thực hiện đúng khung thời vụ, diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được mở rộng với hiệu quả kinh tế cao, chăn nuôi phát triển ổn định, công tác bảo vệ và xã hội hóa trồng rừng mới được tích cực triển khai. Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực. Các tỉnh đã tập trung thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhằm cơ cấu lại sản xuất nông, lâm nghiệp; triển khai và thực hiện tốt

các cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù đối với các vùng đặc biệt khó khăn; phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng gắn với chế biến, tiêu thụ, sản xuất hàng hóa, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững.

Xác định đúng vai trò, tầm quan trọng của công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, xây dựng trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng, các tỉnh vùng biên giới phía Bắc đã tập trung khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng tập trung, quy mô, nâng cao hàm lượng công nghệ trong sản phẩm, cải thiện sức cạnh tranh, mở rộng tiêu thụ sản phẩm ra ngoài địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản gắn với các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung; phát triển thủy điện, khai thác, chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng. Mục tiêu để công nghiệp phát triển với tốc độ cao, trở thành động lực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đầu tư cho phát triển các ngành, nghề tiêu thụ công nghiệp, nhất là các làng nghề truyền thống, các sản phẩm phục vụ phát triển du lịch và đời sống nhân dân.

Thương mại, dịch vụ phát triển từng bước theo hướng hiện đại, dựa trên cơ cấu ngành hợp lý với các ngành có giá trị gia tăng cao và có sự tham gia của các thành phần kinh tế để có đóng góp ngày càng lớn hơn vào quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Bên cạnh các ngành như thương mại, du lịch, tỉnh còn quan tâm phát triển đồng bộ các ngành dịch vụ khác, như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thông tin, bưu chính viễn thông và các dịch vụ xã hội để hình thành thị trường dịch vụ sôi động, hiệu quả, thúc đẩy sản xuất - kinh doanh, đáp ứng yêu cầu về giao lưu kinh tế, văn hóa trong quá trình phát triển.

Giá trị sản xuất công nghiệp từ năm 2016 đến nửa đầu năm 2019 tăng trưởng bình quân 10%/năm. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng chiếm 22%-27% tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn. Tỷ trọng nhóm ngành khai thác khoáng sản không tái tạo có xu hướng giảm trong cơ cấu ngành công nghiệp, trong đó giảm mạnh

nhất là nhóm ngành vật liệu xây dựng.

Các ngành, nghề thủ công truyền thống của đồng bào các DTTS trên địa bàn được khuyến khích, tạo thuận lợi để phát triển thông qua các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng làng nghề từ ngân sách nhà nước và từ tài trợ của các tổ chức quốc tế, góp phần giữ gìn và phát huy nghề truyền thống, bản sắc văn hóa các DTTS, cải thiện đời sống nhân dân và tạo nguồn hàng hóa cho phát triển du lịch.

Hoạt động du lịch giai đoạn trước năm 2020 có bước phát triển tích cực; kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch được quan tâm đầu tư phát triển, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

Lĩnh vực bưu chính - viễn thông tiếp tục phát triển, mở rộng, đáp ứng yêu cầu của sản xuất - kinh doanh và đời sống nhân dân. Trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, các cửa khẩu được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy hoạch, góp phần thúc đẩy thông thương hàng hóa. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016-2019 tăng trưởng bình quân 20-25%/năm với các mặt hàng chủ yếu là vật liệu xây dựng, nông sản, hàng tiêu dùng xuất sang Lào và nông sản xuất sang Trung Quốc.

4.2.2. Một số hạn chế

Tuy kết quả đạt được là tích cực, tốc độ tăng trưởng khá cao, nhưng chất lượng tăng trưởng kinh tế của vùng biên giới miền núi phía Bắc còn thấp; quá trình cơ cấu lại nền kinh tế chuyển biến chậm; quy mô nền kinh tế nhỏ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh còn ở mức thấp. Thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế còn hạn chế.

Các ngành công nghiệp, dịch vụ có tốc độ tăng trưởng khá nhưng chưa ổn định. Quy mô ngành công nghiệp nhỏ, mức đóng góp vào nền kinh tế còn thấp; các sản phẩm công nghiệp còn nghèo nàn, sức cạnh tranh kém, chủ yếu chỉ cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng tại địa phương. Khả năng khai thác, phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch chưa tương xứng với tiềm năng. Kết cấu cơ sở hạ tầng ở khu kinh tế cửa khẩu vẫn chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội khu vực cửa khẩu nói riêng và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế nói chung.

Một số chỉ tiêu trong sản xuất nông, lâm nghiệp thực hiện thấp, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, chưa phát huy được lợi thế ở địa phương. Tiềm năng về rừng và đất rừng chưa được khai thác có hiệu quả. Công tác khuyến nông, khuyến lâm, khai thác sử dụng các công trình thủy lợi hiệu quả chưa cao.

Trong năm 2020, dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng lớn đến mọi mặt đời sống xã hội của các địa phương, lượng khách và doanh thu du lịch giảm mạnh; hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới chưa được cải thiện nhiều do hai bên vẫn tăng cường triển khai nhiều biện pháp

phòng, chống dịch bệnh Covid-19; một số dự án công nghiệp quan trọng chậm tiến độ; hoạt động sản xuất kinh doanh của một số thành phần kinh tế bị ngừng trệ. Dịch tả lợn Châu Phi chưa được khống chế hoàn toàn nên việc tái đàn lợn gặp nhiều khó khăn, tổng đàn lợn giảm có thời điểm khan hiếm con giống, giá tăng cao; thiên tai, thời tiết diễn biến bất thường ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân, tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, buôn bán các mặt hàng cấm như pháo nổ còn xảy ra.

5. Thảo luận

Từ việc phân tích, đánh giá những kết quả bước đầu về nghiên cứu thực trạng kinh tế vùng biên giới phía Bắc, bài viết bàn luận một số kiến nghị và đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát triển kinh tế vùng biên giới và tăng cường hiệu quả của công tác giảm nghèo cho đồng bào DTTS miền núi phía Bắc như.

Một là, tăng cường sự tham gia của người DTTS trong việc tiếp cận nguồn lực thông qua việc trao quyền sử dụng đất nhằm trao quyền làm chủ cho người nông dân và gây dựng trách nhiệm bảo vệ đất.

Hai là, hỗ trợ nguồn lực sản xuất cho người nghèo, vùng nghèo, nhất là hỗ trợ vốn, kỹ thuật sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, vì đây là những điểm yếu mà người nghèo không tự vượt qua được.

Ba là, phát triển khu du lịch của người DTTS theo định hướng xây dựng thị trường ngay tại khu vực miền núi dưới dạng tổ chức du lịch trải nghiệm với các loại hình như: kết hợp làm nông nghiệp với bán sản phẩm sạch sản xuất được, bán hàng thủ công và các sản phẩm đặc thù của người DTTS.

Bốn là, duy trì môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế chú trọng theo chiều sâu; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo, vùng DTTS theo hướng đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, tạo mọi cơ hội để người nông dân, người nghèo, người DTTS được trực tiếp tham gia vào các hoạt động kinh tế.

Năm là, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội cho vùng nghèo kết nối với các vùng phát triển, nhằm tạo nền tảng thúc đẩy phát triển sản xuất ở vùng nghèo; Hỗ trợ về giáo dục, đào tạo, nâng cao trình độ dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật cho người nghèo, để họ có cơ hội tìm việc làm, tham gia vào quá trình tăng trưởng kinh tế và hưởng lợi trực tiếp từ quá trình này.

6. Kết luận

Sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, một số tỉnh biên giới phía Bắc luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước bằng việc

đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển toàn diện kinh tế-xã hội... đã đạt được nhiều kết quả. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thu nhập bình quân đầu người tăng trưởng rõ rệt, cơ cấu kinh tế có sự thay đổi tích cực. Tuy nhiên, trên thực tế, tình hình phát triển kinh tế của các tỉnh biên giới phía Bắc vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế: Tốc độ tăng

trưởng khá cao, nhưng chất lượng tăng trưởng kinh tế của vùng biên giới miền núi phía Bắc còn thấp; quá trình cơ cấu lại nền kinh tế chuyển biến chậm; quy mô nền kinh tế nhỏ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh còn ở mức thấp. Thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế còn hạn chế so với các tỉnh thành trong cả nước.

Tài liệu tham khảo

Khoi, D. T. (2020). Muong Khuong tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi”. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/muong-khuong-tiep-tuc-day-manh-phong-trao-nong-dan-san-xuat-kinh-doanh-gioi-565315.html>.

Lan, L. (2021). Chuyển biến trong công tác bảo vệ, phát triển rừng ở Điện Biên. <https://nhandan.com.vn/dan-toc-mien-nui/chuyen-bien-trong-cong-tac-bao-ve-phat-trien-rung-o-dien-bien-637961>.

Trang, V. H. (2020). Lạng Sơn đẩy mạnh trong rừng gan voi che biên, tiêu thụ sản phẩm. <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-kinh-te/lang-son-day-manh-trong-rung-gan-voi-che-bien-tieu-thu-san-pham-614640>.

Ủy ban nhân dân các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Sơn La, Lào Cai, & Điện Biên. (2021). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

Yen, N. (2021). Thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến. <http://www.baosonla.org.vn/vi/bai-viet/thu-hut-dau-tu-vao-cong-nghiep-che-bien-37312>.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG BIÊN GIỚI MIỀN NÚI PHÍA BẮC, VIỆT NAM*

Vũ Văn Anh^a; Dương Quỳnh Phương^b
Đình Đức Hợi^c; Phí Hùng Cường^d

^{a,b,c} Viện Nghiên cứu Xã hội và Nhân văn miền núi, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Email: ^a anhvv@tmue.edu.vn; ^b phuongdq@tmue.edu.vn; ^c hoidd@tmue.edu.vn

^d Học viện Dân tộc

Email: cuongph@hvdt.edu.vn

Nhận bài: 03/3/2022; Phản biện: 09/3/2022; Tác giả sửa: 12/3/2022; Duyệt đăng: 14/3/2022; Phát hành: 31/3/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/651>

Phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số biên giới miền núi phía Bắc là một trong những vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, chú trọng. Điều này không chỉ nhằm chăm lo, cải thiện cuộc sống cho đồng bào tốt hơn, mà còn hướng tới xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và hạnh phúc; đảm bảo an ninh, quốc phòng của nước ta. Để thực hiện mục tiêu to lớn trên, trong những năm qua, bên cạnh những chính sách phát triển chung, Đảng và Nhà nước đã có nhiều quyết sách, chủ trương lớn về phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng vùng miền núi và đồng bào dân tộc. Nhờ đó, sự nghiệp phát triển vùng dân tộc thiểu số biên giới miền núi phía Bắc đã thụ được những thành tựu quan trọng về mọi mặt, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, góp phần đáng kể vào công cuộc phát triển quốc gia, thành công của xóa đói, giảm nghèo. Do vậy, nghiên cứu thực trạng kinh tế vùng biên giới và đề xuất một số giải pháp tăng cường phát triển kinh tế bền vững ở khu vực này là cần thiết.

Từ khóa: Kinh tế biên giới; Miền núi phía Bắc; Vùng dân tộc thiểu số; Dân tộc thiểu số.

* Bài báo là một phần trong kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ: “Nghiên cứu tác động của kinh tế vùng biên giới đến cộng đồng các dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc”, mã số UBĐT.ĐTCB.01.20-21.